

Số: 38/2024/QĐST-HNGĐ

N, ngày 20 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 96/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024, giữa:

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn 2, xã K, huyện N, thành phố P và chị Bùi Thị N, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn 5, xã K, huyện N, thành phố P.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị N thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị N thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Văn A sinh ngày 18 tháng 9 năm 2001. Hiện nay con chung tên Nguyễn Văn Anh đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Toà án giải quyết

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị N thống nhất vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T nhận nộp cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai

thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0009844 ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, thành phố P, anh Nguyễn Văn T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố P;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã K, huyện N, thành phố P;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hiền

